TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ ĐĂNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2022/HSST
Ngày: 13/12/2022.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Thanh;
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Điểu Khuê;
Ông Phạm Thành Đô.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hải– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa*:** Ông An Bắc Lừng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 107/2022/ HSST ngày 25 tháng 11 năm 2022. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 268/2022/ QĐXXST – HS ngày 29 tháng 11 năm 2022, đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Tấn Q, sinh năm 1992, tại tỉnh Vĩnh Long.

Chứng minh nhân dân số: 331699xxx cấp ngày 04/6/2020 Nơi cấp: Công an tỉnh Vĩnh Long.

Nơi cư trú: Ấp L, xã L, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hóa: 0/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C và bà Dương Thị H; bị cáo có vợ và 01 người con sinh năm 2016; tiền sự: Không

Tiền án: Ngày xx/01/2019, bị Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xử phạt 01 năm tù về Tội trộm cắp tài sản theo Bản án số: xx/2019/HSST. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù, đã đóng án phí, nhưng chưa bồi thường thiệt hại cho bị hại là chị Nguyễn Thị Thanh Kiều.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày xx/8/2022 cho đến nay, (có mặt).

Bị hại: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1959, (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố x, thị trấn C, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 02/2022, Nguyễn Tấn Q được bà Nguyễn Thị T thuê chăm sóc và trông coi vườn sầu riêng tại tiểu khu xxx, xã Đ, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Làm được khoảng 01 tháng thì Q nghỉ. Khoảng 22 giờ ngày 03/5/2022, Q điều khiển xe mô tô (không có biển số) mượn của người đàn ông tên "Đen" đi từ thôn 5, xã

Nghĩa Trung, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước đến vườn sầu riêng của bà T. Khi đến nơi, Q dựng xe ngoài cổng đi bộ vào trong vườn lấy trộm 01 máy xịt thuốc hiệu Honda GP200, màu đỏ mang ra để lên xe và Q điều khiển xe chạy về khu vực lô cao su thuộc xã Nghĩa Trung cất giấu. Khoảng 03 ngày sau, Q đi vào chỗ cất giấu máy xịt thuốc mang đi bán cho một người đàn ông dân tộc S'tiêng (không rõ nhân thân, lý lịch) ở khu vực xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Phước được 3.500.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 62/KL-ĐG ngày 12/7/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng Hình sự huyện Bù Đăng, kết luận: 01 máy xịt thuốc hiệu Honda GP200, màu đỏ tại thời điểm phạm tội có giá trị là 6.200.000 đồng.

- Về vật chứng vụ án:

+ Đối với máy xịt thuốc, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Bù Đăng đã truy tìm nhưng không thu hồi được, nên không đề cập xử lý.

+ Đối với xe mô tô (không biển số) của người đàn ông tên "Đen" mà Q mượn sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp, Cơ quan CSĐT - Công an huyện Bù Đăng đã truy tìm nhưng không thu hồi được, nên không đề cập xử lý.

+ Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu bồi thường 6.200.000 đồng. Bị cáo chưa bồi thường.

- Tại Cáo trạng số 106/CT –VKS.BĐ ngày 24/11/2022, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng truy tố bị cáo Nguyễn Tấn Q về Tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát khẳng định nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung Cáo trạng đã truy tố. Về tội danh đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Tấn Q phạm Tội trộm cắp tài sản;

Về hình phạt, áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, s khoản 1, khoản 2, Điều 51, điểm h, khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn Q từ 09 đến 12 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Tấn Q thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, không có ý kiến tranh luận về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác đối với đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Bù Đăng, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Ngày 03/5/2022, Nguyễn Tấn Q lén lút trộm cắp 01 máy xịt thuốc hiệu Honda GP200, màu đỏ có giá trị 6.200.000 đồng của bà Nguyễn Thị T tại tiểu khu 315 xã Đăng Hà, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước mang đi bán cho một người đàn ông dân tộc Stiêng (không rõ nhân thân, lý lịch) ở khu vực xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Phước được 3.500.000 đồng.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại về thời gian, địa điểm và hành vi phạm tội.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở khẳng định hành vi của bị cáo Nguyễn Tấn Q đã phạm Tội trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng".

Như vậy, nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, do bản tính lười lao động muốn có tiền để tiêu xài và sử dụng ma túy. Bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác, đây là quyền về tài sản được pháp luật bảo vệ. Ngoài ra, hành vi của bị cáo còn làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự trị an tại địa phương.

Bản thân bị cáo đã có 01 tiền án về Tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích. Bị cáo không lấy đó làm bài học mà còn tiếp tục phạm tội. Thể hiện tính coi thường pháp luật của bị cáo.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tiền án chưa được xóa án tích nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, bị cáo không biết chữ nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế; bị cáo chiếm đoạt tài sản trị giá 6.200.000 đồng, đây là thiệt hại không lớn đối với một doanh nghiệp. Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; bị cáo có con còn nhỏ. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xét toàn bộ tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng. Hội đồng xét xử thấy cần xử bị cáo một

mức án tương xứng với hành vi phạm tội để giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

+ Đối với máy xịt thuốc, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Bù Đăng đã truy tìm nhưng không thu hồi được, nên không đề cập xử lý.

+ Đối với xe mô tô (không biển số) của người đàn ông tên "Đen" mà Q mượn sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Bù Đăng đã truy tìm nhưng không thu hồi được, nên không đề cập xử lý.

Các vật chứng của vụ án cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bù Đăng không thu hồi được nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu bồi thường 6.200.000 đồng. Bị cáo chưa bồi thường.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 thì ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Xét thấy, bị cáo là người nghiện ma túy, không có thu nhập ổn định nên miễn chấp hành hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Đối với quan điểm xử lý vụ án của đại diện Viện kiển sát tham gia phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tấn Q phạm Tội trộm cắp tài sản.

Áp dụng khoản 1, Điều 173, điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h, khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn Q 01 năm tù (một năm tù). Thời hạn tù tính từ ngày 29/8/2022.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Tấn Q phải bồi thường số tiền 6.200.000 đồng (sáu triệu hai trăm nghìn đồng) cho bà Nguyễn Thị Thanh T.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Tấn Q phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 310.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, Người bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước.
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Công an tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- CQ CSĐT Công an h. BĐ;
- CCTHADS huyện Bù Đăng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Khắc Thanh